

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 4 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Ông Phạm Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2024/TLST - HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Quang K, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ A, ấp N, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn ông Bùi Quang K trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Mỹ C tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương vào ngày 20/9/2006. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng được một thời gian thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng lối sống, quan điểm, không nói chuyện được với nhau. Bà C và gia đình chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông sống chung với bố mẹ nhưng bà C và bố mẹ ông thường xuyên cãi nhau làm cho ông luôn trong tình trạng mệt mỏi. Ông đã có nhiều biện pháp để hàn gắn tình

cảm vợ chồng và kết nối gia đình nhưng không được. Ông và bà C đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay, không qua lại thăm hỏi nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ C.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung ông, bà có 02 con chung là Bùi Nhật H, sinh ngày 19/6/2007 và Bùi Nhật H1, sinh ngày 01/6/2011. Trong đơn khởi kiện ông yêu cầu được quyền nuôi con là Bùi Nhật H, nhường quyền nuôi con Bùi Nhật H1 cho bà C nuôi dưỡng. Tại biên bản hòa giải ông nhường quyền nuôi 02 con chung cho bà C nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến các con chung đủ 18 tuổi. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 20/3/2025, ông K yêu cầu được quyền nuôi con là Bùi Nhật H, nhường quyền nuôi con Bùi Nhật H1 cho bà C nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con và ông không cấp dưỡng nuôi con Bùi Nhật H1.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bà Lê Thị Mỹ C trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông ông Bùi Quang K tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương vào ngày 20/9/2006. Sau khi kết hôn ông bà sống tại phường T, thành phố B khoảng 02 năm thì bà chuyển về xã A, huyện P, khoảng năm 2010 thì chuyển về phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, bà và ông K đi qua lại từ A đến B. Đến tháng 12/2023, bà và ông K phát sinh mâu thuẫn khi ông K công khai mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông K thỏa thuận với bà khi ly hôn sẽ bồi thường cho bà C 300.000.000 đồng công sức đóng góp trong khoảng thời gian 18 năm chung sống vợ chồng. Bà và ông K ly thân từ tháng 12/2023, bà cũng chuyển hẳn về sống ở nhà tại ấp N, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Từ khi ly thân đến nay, bà và ông K không qua lại, chăm sóc lẫn nhau. Đối với việc ông K không chung thủy trong tình cảm vợ chồng bà có một số hình ảnh ông K đăng trên mạng xã hội chụp hình với người phụ nữ khác, ông K cũng thừa nhận khi nói chuyện với bà. Ngoài ra bà chưa thu thập được chứng cứ nào khác. Bà không nộp đơn tố cáo ông K đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Với yêu cầu ly hôn của ông K thì bà có ý kiến như sau: Thời gian sống chung vợ chồng giữa bà và ông K là 18 năm, bà đã có công sức đóng góp cho gia đình. Do bà tin tưởng ông K nên không biết ông K làm ăn như thế nào. Khi xảy ra mâu thuẫn ông K có hứa với bà là sẽ bồi thường cho bà 300.000.000 đồng thì bà mới đồng ý ly hôn với ông K. Nếu ông K không thanh toán cho bà 300.000.000 đồng thì bà không đồng ý ly hôn với ông K. Bà không có chứng cứ về việc thỏa thuận bồi thường 300.000.000 đồng khi ly hôn giữa bà và ông K.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung ông bà có 02 con chung là Bùi Nhật H, sinh ngày 19/6/2007 và Bùi Nhật H1, sinh ngày 01/6/2011. Bà C yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn, bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Đề nghị giao con Bùi Nhật H, sinh ngày 19/6/2007 và Bùi Nhật H1, sinh ngày 01/6/2011 cho bị đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn yêu cầu nguyên đơn thanh toán 300.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nguồn gốc tài sản. Về tài sản chung bị đơn có quyền khởi kiện trong một vụ án khác khi cung cấp đầy đủ chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn, do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Bùi Quang K có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Bùi Quang K và bà Lê Thị Mỹ C chung sống trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương vào ngày 20/9/2006. Quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn trình bày có mâu thuẫn xảy ra do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bị đơn trình bày khi xảy ra mâu thuẫn, nguyên đơn thỏa thuận khi ly hôn sẽ bồi thường cho bị đơn 300.000.000 đồng công sức đóng góp trong khoảng thời gian 18 năm chung sống vợ chồng. Nếu nguyên đơn đồng thanh toán 300.000.000 đồng cho bị đơn thì bị đơn đồng ý ly hôn. Trường hợp nguyên đơn không thanh toán 300.000.000 đồng cho bị đơn thì bị đơn không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu bồi thường số tiền 300.000.000 đồng cho bị đơn khi ly hôn.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường 300.000.000 đồng khi ly hôn nhưng nguyên đơn không đồng ý. Bị đơn không có yêu cầu phản tố và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của mình nên yêu cầu bồi thường của bị đơn là không có căn cứ. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 02 con chung là Bùi Nhật H, sinh ngày 19/6/2007 và Bùi Nhật H1, sinh ngày 01/6/2011. Nguyên đơn, bị đơn tranh chấp quyền nuôi con chung. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu được quyền nuôi con Bùi Nhật H, nhường quyền nuôi con Bùi Nhật H1 cho bị đơn nuôi dưỡng. Quá trình hòa giải nguyên đơn đồng ý giao 02 con chung cho bị đơn nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến các con chung đủ 18 tuổi. Ngày 20/3/2025, nguyên đơn có đơn trình bày ý kiến yêu cầu nuôi con chung Bùi Nhật H, nhường quyền nuôi con Bùi Nhật H1 cho bị đơn nuôi dưỡng. Bị đơn yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến các con chung đủ 18 tuổi. HĐXX xét các điều kiện về nuôi con, ý kiến nguyện vọng của con chung chưa đủ 18 tuổi, cháu H muốn sống cùng nguyên đơn, cháu H1 muốn sống cùng bị đơn. Do đó, việc giao con chung Bùi Nhật H cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giao con chung Bùi Nhật H1 cho bị đơn nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bị đơn là phù hợp để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, buộc nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con Bùi Nhật H1 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Quang K đối với bị đơn bà Lê Thị Mỹ C.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Bùi Quang K được ly hôn với bị đơn bà Lê Thị Mỹ C.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Nhật H cho nguyên đơn ông Bùi Quang K nuôi dưỡng, giao con chung Bùi Nhật H1 cho bị đơn bà Lê Thị Mỹ C trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn ông Bùi Quang K phải cấp dưỡng nuôi con Bùi Nhật H1 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không ai được cản trở ông Bùi Quang K, bà Lê Thị Mỹ C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Ông Bùi Quang K phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004281, ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Trung

Kim Niệm

Nguyễn Thị Mùi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mùi

